

Số: 115/2020/QĐST-HNGĐ

Tây Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đ, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị D, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;
Tạm trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đ và chị D.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Giao con chung tên là B, sinh ngày 20/9/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
 - Về tài sản chung: Các đương sự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:
 - + Giao cho chị D sở hữu 03 (Ba) chỉ vàng 24k loại 99 (Chị D đã quản lý);
 - + Giao cho chị D sở hữu xe mô tô biển số 78F1- 369.72 do anh Đ đứng tên. Giấy chứng nhận đăng ký xe (Chị D đã quản lý xe và giấy tờ). Chị D có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký theo quy định;
 - + Anh Đ có trách nhiệm trả cho chị D số tiền: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

+ Giao cho anh Đ sở hữu số tiền: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), (Anh Đ đã quản lý).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: + Anh Đ phải chịu: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn; anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai số 0001973 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, nên hoàn lại cho anh Đ: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Chị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H
(Đăng ký kết hôn số 84/2016
Ngày 06/9/2016);
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huệ